

Số: 1558 /QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bãi bỏ
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 16/TTr-SCT ngày 28/5/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 09 thủ tục hành chính sửa đổi; bãi bỏ 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Đã được công bố tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định 688a/QĐ-BCT của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu, địa chỉ <http://www.baria-vungtau.gov.vn>.

Điều 3. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan có liên quan căn cứ các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Công Thương(b/c);
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo -Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NC7.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BÃI BỎ LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

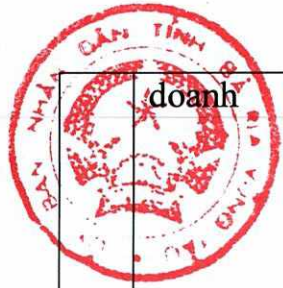
Số TT	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện hoạt động: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.	+ Qua bưu điện; + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; +Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; +Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh	- Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bãi bỏ thuộc

hu




			kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				<p>Thương;</p> <p>+ Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p> <p>+ Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.</p>	lý nhà nước của Bộ Công Thương.
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích	-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	Phí thẩm định điều kiện hoạt động: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.	+ Qua bưu điện; + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp	+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; +Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;	- Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng

th
th

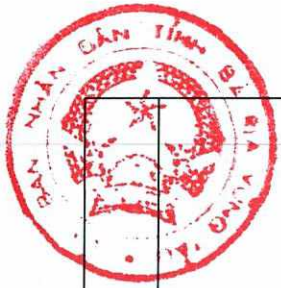


doanh	kinh doanh	(Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	cấp huyện		huyện.	<p>+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>+ Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p> <p>+ Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất</p>	02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
-------	---------------	--	--------------	--	--------	--	--

Handwritten signature or initials in blue ink.

3	 <p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh</p>	<p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh</p>	<p>-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.</p>	<p>Phí thẩm định điều kiện hoạt động: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.</p>	<p>+ Qua bưu điện; + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p>	<p>thuốc lá.</p> <p>+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; +Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; + Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p>	<p>- Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
---	---	---	--	--	---	---	--	--

ru
lu



								+ Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết:	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: + Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 1.200.000 đồng/ điểm	+ Qua bưu điện; + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; + Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản	

Handwritten signature or initials in blue ink.



		<p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>		<p>kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh / lần thẩm định.</p> <p>* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là cá nhân, hộ kinh doanh:</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố:</p>		<p>Thương;</p> <p>+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p>	<p>lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
--	--	---	--	---	--	--	--

Handwritten signature or initials in blue ink.



					Mức thu phí thẩm định: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. + Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh doanh / lần thẩm định.			
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp:	+ Qua bưu điện; + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả	+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; +Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng

th
hu



		<p>(Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>cấp huyện.</p>	<p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh / lần thẩm định.</p> <p>* Mức thu phí thẩm định đối</p>	<p>kết quả cấp huyện.</p>	<p>+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p> <p>+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p>	<p>02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
--	--	---	-------------------	---	---------------------------	---	---

Handwritten signature or initials in blue ink.



				<p>với chủ thể kinh doanh là cá nhân, hộ kinh doanh:</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--

u
hu

					doanh / lần thẩm định.			
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	<p>-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	<p>* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp:</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn</p>	<p>+ Qua bưu điện;</p> <p>+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.</p>	<p>+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p> <p>+Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</p> <p>+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	<p>Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>

ll
hu



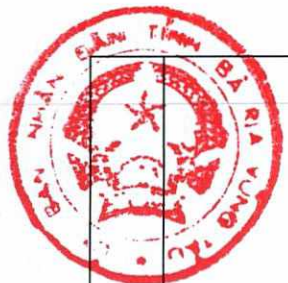
				<p>các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh / lần thẩm định.</p> <p>* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là cá nhân, hộ kinh doanh:</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p>	<p>thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p>	
--	--	--	--	---	--	--

me
hu



					+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh doanh / lần thẩm định.			
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: + Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định:	+ Qua bưu điện; + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	+ Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; + Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa

Handwritten signature



		<p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>		<p>1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định. + Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh / lần thẩm định. * Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là cá nhân, hộ kinh doanh: + Đối với các thương nhân kinh doanh</p>		<p>tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>	<p>đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
--	--	---	--	--	--	---	---


~ll

hu



				<p>trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh doanh / lần thẩm định.</p>	<p>quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá;</p> <p>+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>+ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan</p>	
--	--	--	--	---	--	--

Handwritten signature or initials in blue ink.

8	 <p>Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá</p>	<p>Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá</p>	<p>-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.</p>	<p>* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp:</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu</p>	<p>+ Qua bưu điện;</p> <p>+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p>	<p>đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>+ Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>+ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>+Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;</p>	<p>Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
---	---	--	---	--	--	--	---	--

Handwritten signature



			<p>phí thẩm định: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh / lần thẩm định.</p> <p>* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là cá nhân, hộ kinh doanh:</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 400.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân</p>		<p>+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p> <p>+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26</p>	
--	--	--	---	--	--	--

→ll
hu



					kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh doanh / lần thẩm định.		tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; + Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.	
9	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	-Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp	* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: + Đối với các thương nhân	+ Qua bưu điện; + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp	+ Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020

th
hu



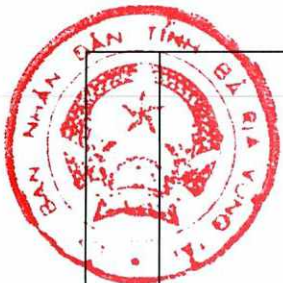
		<p>11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>huyện</p>	<p>kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh / lần thẩm định.</p> <p>* Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là</p>	<p>huyện</p>	<p>pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; +Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
--	--	--	--------------	---	--------------	--	---

u
hu



				<p>cá nhân, hộ kinh doanh:</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố: Mức thu phí thẩm định: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với các thương nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện còn lại: Mức thu phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh doanh / lần thẩm định.</p>		<p>+Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá;</p> <p>+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>+ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều</p>	
--	--	--	--	---	--	---	--

Handwritten signature or initials in blue ink.



của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
1	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.	Thủ tục hành chính được công bố theo: Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.	Thủ tục hành chính được công bố theo: Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

~u
hu



3	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.	Thủ tục hành chính được công bố theo: Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện
---	---	---	--

xu
-
hu